| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **846**/2026/QĐST-HNGĐ | *Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 1121/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 09 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1991**

CCCD số 022191011875 do Cục C về TTXH cấp ngày 04/12/2021.

Nơi ĐKTT và nơi ở hiện nay: Căn hộ A - Tòa HH1, khu nhà ở I N, T, phường T, thành phố Hà Nội.

**Ông Phạm Đức P, sinh năm 1990**

CCCD số 022090002182 cấp ngày: do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/03/2022.

Nơi thường trú: Căn hộ A - Tòa HH1, khu nhà ở I N, T, phường T, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 09 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2]. Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T xác nhận có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Huyền M, sinh ngày 05/04/2021 và cháu Phạm Gia M1, sinh ngày 15/12/2024. Ông, bà thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung là cháu Phạm Ngọc H M cho mẹ là bà Nguyễn Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Phạm Gia M1 cho bố là ông Phạm Đức P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

**2. Về lệ phí:** Ông Phạm Đức P và bà Nguyễn Thị Mai T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0004900 ngày 03/09/2026 của Phòng THADS khu vực 2 thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**
**Thẩm phán**

**Lê Thị Thu Hường**

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS KV2 - thành phố Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.